

Bản án số: 51/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 - 12 - 2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình La

Bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2024/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Thanh L, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

2. *Bị đơn:* Bà Bùi Thị M, sinh năm 1984 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: Thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc.

Địa chỉ hiện nay: Xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn ông Phan Thanh L trình bày: Ông kết hôn với bà Bùi Thị M ngày 03/6/2024 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn ông và bà M thuê nhà trọ và sinh sống tại Hà Nội. Quá trình chung sống, tháng 7/2024 ông và bà M phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bà M có mối quan hệ với người đàn ông khác, hơn nữa vợ chồng không hợp tính nhau, bắt

đồng quan điểm trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày nên thường xuyên xảy ra xô xát; mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên tháng 9/2024 bà M đã về quê tại xóm H, xã T, huyện T, tỉnh Nghệ An sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Bùi Thị M.

Bị đơn bà Bùi Thị M, tại bản tự khai ngày 24/10/2024 trình bày: Bà kết hôn với ông Phan Thanh L ngày 03/6/2024, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc. Sau khi kết hôn vợ chồng thuê nhà trọ tại Hà Nội để chung sống. Quá trình chung sống ngay từ đầu vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông L thường xuyên ghen tuông vô cớ, luôn nghi ngờ bà có quan hệ với người khác nên thường xuyên xảy ra xô xát, có lần ông L đã đánh bà và có những lời nói xúc phạm bà. Do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên đầu tháng 9/2024 bà đã về nhà mẹ đẻ ở tỉnh Nghệ An sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, ông L có đơn xin ly hôn, bà đồng ý ly hôn ông L.

Về con chung: Ông L và bà M đều trình bày không có con chung.

Về tài sản, công nợ, công sức: Ông L và bà M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Thanh L, cho ông L được ly hôn bà Bùi Thị M. Về án phí, ông L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Phan Thanh L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Bùi Thị M; bà M có hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc nên Tòa án nhân dân huyện Tam Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của bị đơn là bà Bùi Thị M: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Thanh L và bà Bùi Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà M là hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy, nguyên nhân mâu

thuần giữa ông L và bà M là do hai bên không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xô xát; cả hai đã sống ly thân một thời gian và không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Quá trình giải quyết vụ án, bà M xác định không còn tình cảm với ông L và đồng ý ly hôn; tại phiên tòa, ông L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị được ly hôn bà M. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông L và bà M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L đề nghị được ly hôn bà M là phù hợp.

[4] Về con chung: Ông Phan Thanh L và bà Bùi Thị M trình bày không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản, công nợ, công sức: Ông Phan Thanh L và bà Bùi Thị M không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Phan Thanh L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Ông Phan Thanh L được ly hôn bà Bùi Thị M.
2. Về án phí: Ông Phan Thanh L phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp tại Biên lai thu số 0007231 ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc; ông L đã nộp đủ án phí.
3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạng